

型式		寸法図 (mm)	A	B	C	D	型式	寸法図 (mm)	A	B	C	D
FZ-1605	ソケット (カップリング)		1/4 NPT	φ19	19 六角	29	FZ-1630		3/8 NPT	1/4 NPT	17.5 六角	17.5
FZ-1614			3/8 NPT	φ25	25.4 六角	29	FZ-16301		3/8 NPT	1/8 Rc	17.5 六角	19
FZ-1615	異径ソケット		3/8 NPT	1/4 NPT	25.4 六角	29	FZ-16304		1/2 R	3/8 Rc	24 六角	26
FZ-1625			1/2 NPT	3/8 NPT	32 六角	35	FZ-16305		1/2 R	3/8 NPT	24 六角	28
FZ-1638	90°エルボ		1/4 NPT	φ19	22.5	34	FZ-16306		1/2 NPT	1/4 NPT	24 六角	28
FZ-1610			3/8 NPT	φ25	21	33	FZ-1643		1/16 NPT	1/4 NPT	19 六角	28.5
FZ-1637	チーズ		1/4 NPT	φ19	22	45	FZ-1642		1/8 NPT	1/4 NPT	19 六角	31
FZ-1612			3/8 NPT	φ25	22	44	FZ-16421		1/8 NPT	1/4 Rc	19 六角	29
FZ-1613	クロス		3/8 NPT	φ25	22	44	FZ-10551		1/8 NPT	3/8 Rc	22 六角	30.9
FZ-1616			3/8 NPT	φ25	24	33	FZ-1055		1/4 NPT	3/8 NPT	24 六角	45
FZ-1618	ストリート エルボ		1/4 NPT	φ25	23	28	FZ-1633		1/4 NPT	1/2 NPT	28.5 六角	43
FZ-1608			1/4 NPT	φ7	14.3 六角	35	FZ-1634		3/8 NPT	1/2 NPT	28.5 六角	45
FZ-1617	角ニップル		3/8 NPT	φ10.2	19 六角	37	BFZ-16411		1/4 NPT	1/4 Rc	19 六角	38
FZ-1620N			3/8 NPT	φ9	19 六角	90	BFZ-11461		1/4 R	1/4 NPT	19 六角	38
FLT-3N	インライン フィルタ		3/8 NPT	24 六角	22 六角	58	BFZ-16324		3/8 NPT	3/8 Rc	24 六角	43
P-PSTD 10NPT3/8			3/8 NPT	φ10	19 六角	43	BFZ-42361		3/8 R	3/8 NPT	22 六角	34
P-PSTD 15NPT3/8	テーパねじ付 スタッド		3/8 NPT	φ15	19 六角	46	FZ-2N		3/8 NPT	1/2 G	26 六角	47
			3/8 NPT	φ10.2	19 六角	37	FZ-3N		1/2 NPT	1/2 G	26 六角	52
			3/8 NPT	φ9	19 六角	90	FZ-2007		1/4 SAE (7/16-20 UNF)	1/4 NPT	19 六角	29
			3/8 NPT	φ7	14.3 六角	35	FZ-1N		1/4 G	1/4 NPT	19 六角	34
			3/8 NPT	φ10.2	19 六角	37	FZ-4N	1/4 G	3/8 NPT	22 六角	32	
			3/8 NPT	φ9	19 六角	90	FZ-5N	3/8 G	3/8 NPT	22 六角	37	
			3/8 NPT	24 六角	22 六角	58	FZ-6N	1/2 G	1/2 Rc	32 六角	42	
			3/8 NPT	φ10	19 六角	43	FZ-7N	1/8 G	1/4 Rc	19 六角	31	
			3/8 NPT	φ15	19 六角	46	FZ-8N	1/4 G	1/4 Rc	19 六角	34	
			3/8 NPT	φ15	19 六角	46	FZ-9N	1/4 R	1/4 G	19 六角	36	
			3/8 NPT	φ15	19 六角	46	FZ-10N	1/8 G	1/8 Rc	19 六角	29	

※ 製品改良のため、形状・寸法など予告なく変更することがありますのでご了承ください。